TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 3 - 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vĩ Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy

2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Văn Sĩ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 875/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1979;

Địa chỉ: tổ 18, ấp Cây X, xã TP, huyện GD, tỉnh TN; Tạm trú: Nhà trọ NV, khu phố TB, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh Phan Sĩ H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: tổ 18, ấp Cây X, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.

Chị "V" có mặt, anh "H" có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích V trình bày:

Chị và anh Phan Sĩ H chung sống như vợ chồng từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có qua tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn GD, huyện GD. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của chị

khoảng 01 (một) năm, tiếp sau đó vợ chồng về cất nhà trên phần đất của cha mẹ anh "H" cho ở tạm. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung về việc chăm sóc con cái, thường xuyên cải vã lẫn nhau, sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, tự lo nấu ăn cơm nước riêng; anh H ghen tuông vô cớ và thường đánh đập chị không những đánh đập chị ở nhà mà anh H còn đến nơi làm việc của chị vào tận trường học vì chị là giáo viên đánh đập chị giữa trường gây ảnh hưởng đến tâm lý và uy tín không những cho chị mà ảnh hưởng đến nhà trường và các em thiếu nhi; vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay, khoảng tháng 12 năm 2018 chị quyết định thuê nhà trọ ra sống riêng không sống cùng anh H nữa; nhận thấy tình cảm không còn nay chị yêu cầu xin ly hôn cùng anh H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nguyễn Hào K, sinh ngày 15/4/2008 và con tên Phan Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 01/12/2010. Hiện cả 02 con chung đang sinh sống cùng anh H và ông bà Ngoại. Khi ly hôn chị đồng ý giao cả hai con chung cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của anh H và các con. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng/cháu cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lao động, sinh sống được.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lời khai ngày 27/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Sĩ H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Bích V chung sống như vợ chồng từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn như chị V trình bày là đúng. Theo anh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị V đi làm việc xong không về nhà đúng giờ, kể cả thứ bảy và chủ nhật cũng bỏ nhà đi không chăm lo gia đình và con nhỏ. Anh có hỏi chị nói đi đám tiệc; nhưng anh có nghe người thân nói lại là chị V đi ngoại tình cùng người đàn ông khác, tuy anh chưa bắt gặp quả tang nhưng qua điện thoại của chị V anh phát hiện có những dòng tin nhắn qua lại thân mật, tình tứ cùng người khác, anh có hỏi nhưng chị V không thừa nhận. Theo anh vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2016 đến nay, anh thừa nhận trong lúc nóng giận có đánh chị V ở nhà và sau đó có đến trường nơi chị V làm việc đánh chị V tiếp. Nay chị V yêu cầu xin ly hôn cùng anh, anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ con anh mong muốn gia đình đoàn tụ.

Về con chung: Như chị V trình bày là đúng, anh chị có 02 con chung tên Phan Nguyễn Hào K, sinh ngày 15/4/2008 và con tên Phan Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 01/12/2010; hiện cả hai con đang sống chung cùng với anh và ông bà Ngoại. Nếu Tòa án cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 02 (hai) con chung và anh yêu cầu chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng/cháu tổng cộng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lao động, sinh sống được.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích V đối với anh Phan Sĩ H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận theo sự tự nguyện thỏa thuận của chị V và anh H thống nhất giao cả 02 (hai) con chung cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 (hai) cháu tổng cộng là 2.000.000 đồng/tháng đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Phan Sĩ H có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích V và anh Phan Sĩ H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị V và anh H không hạnh phúc, anh chị thường xuyên cải vã lẫn nhau về việc chăm sóc con cái, vợ chồng sống chung nhưng không ai quan tâm đến ai, anh H ghen chị có mối quan hệ không rõ ràng cùng người đàn ông khác từ đó anh H thường hay đánh đập chị kể cả đánh chị ở nhà và đến tận nơi chị V làm việc để đánh chị; đây là hành vi bạo lực gia đình vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2016 cho đến nay và khoảng tháng 12/2018 chị V tự bỏ nhà ra thuê nhà trọ sống riêng vợ chồng không ở cùng nhau nữa. Anh H xin đoàn tụ gia đình, nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình.

Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nguyễn Hào K, sinh ngày 15/4/2008 và con tên Phan Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 01/12/2010, hiện cả hai con chung đang sống chung với anh H; chị V và anh H thống nhất giao cả 02 (hai) con cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng/cháu; tổng cộng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lao động sinh sống được. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2019 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 81; 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích V đối với anh Phan Sĩ H.

Chị Nguyễn Thị Bích V được ly hôn với anh Phan Sĩ H.

2. Về con chung: Giao anh H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) con chung tên Phan Nguyễn Hào K, sinh ngày 15/4/2008 và con tên Phan Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 01/12/2010.

Chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/tháng/cháu; tổng cộng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lao động sinh sống được. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2019.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ – ST và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng. Ghi nhận chị V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 008485 ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, được khấu trừ; chị V có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền 300.000 đồng tiền án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện GD;
- CCTHADS huyện GD;
- UBND thị trấn GD;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Vĩ Lê